

Bản án số: **197/2017/HSST**

Ngày: 29/11/2017.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2/ Ông Phạm Văn Tuyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền - Cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2017/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Quang Đ1**; sinh năm: 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKKHKT: 293/46 đường C, phường 14, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, tổ 9, ấp 2, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Phạm Quang Đ2, sinh năm: 1954 (chết) và con bà Phạm Thị H, sinh năm: 1957; Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Ngày 16/9/2015 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 210/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2016. Qua xác minh Phạm Quang Đ1 chưa thi hành án phí.

Tiền sự: không;

Nhân thân: năm 2011 bị đưa đi cai nghiện ma túy tập trung tại Trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2017 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983; HKTT: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Chỗ ở: kè F7/16C ấp 6, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Ngọc C, sinh năm: 1961; HKTT: 47/8 đường M, phường 13, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

\* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973; HKTT: F7/16C ấp 6, xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Phạm Quang Đ1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/8/2017 Phạm Quang Đ1 đi bộ từ nơi ở là nhà không số, tổ 9, ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Khi đến khu nhà trọ - kè địa chỉ F7/16C ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Đ1 thấy chiếc xe mô tô biển số 53V2-0783 của chị Nguyễn Thị T (Sn 1983) được dựng trong sân của khu nhà trọ nhưng không khóa cổ xe và không có người trông coi nên Đ1 đi bộ vào trong khu nhà trọ, dùng hai tay dẫn chiếc xe ra ngoài được khoảng 04 mét thì bị anh Nguyễn Văn N phát hiện, gắng hỏi nên Đ1 bỏ lại xe, chạy bộ. Anh N tri hô rồi cùng anh Huỳnh Văn H và nhân dân truy đuổi, bắt giữ được Đ tại trước địa chỉ F6/22 ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (cách hiện trường ban đầu khoảng 550m) giao công an xã Vĩnh Lộc B.

Công an xã Vĩnh Lộc B tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô của chị T, lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Phạm Quang Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 1587/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: giá trị của chiếc xe máy biển số 53V2-0783 của chị Nguyễn Thị T có giá là 6.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 186/CTr-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Quang Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Quang Đ1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và ghi nhận cơ quan điều tra đã giao trả vật chứng cho chủ sở hữu, ghi nhận việc người bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

### **XÉT THẤY:**

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Quang Đ1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 06/8/2017, tại khu nhà trọ - kẻ địa chỉ F7/16C ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Quang Đ1 đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 53V2-0783 của chị Nguyễn Thị T1 thì bị phát hiện bắt quả tang. Tài sản mà bị cáo bị chiếm đoạt có giá trị là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Bị cáo lợi dụng sự quản lý tài sản của người khác rồi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trái phép. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phạm Quang Đ1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) và xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tính đến ngày phạm tội, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử lý bị cáo là phù hợp.

Xét về nhân thân thì bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2011 bị đưa đi cai nghiện ma túy tập trung tại trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1 thời gian 24 tháng; đây là tình tiết mà Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 xe mô tô biển số 53V2-0783. Cơ quan công an đã trao trả cho chị Nguyễn Thị T vào ngày 30/8/2017 (bút lục: 84).

Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thị T vắng mặt, tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Tuyên bố bị cáo Phạm Quang Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Xử phạt bị cáo Phạm Quang Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. Bình Chánh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- THA dân sự H. Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS;

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Quý**